TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – BẮC NINH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 09/2025/QĐST-DS	*Bắc Ninh, ngày 29 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – BẮC NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuỷ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Định và bà Nguyễn Thị Tin.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2, khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 141/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Việt Nam T

Địa chỉ: Số 89 L, phường L, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (nay là số 89 Láng Hạ, phường Đống Đa, thành phố Hà Nội).

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoàng L, chức vụ: Giám đốc trung tâm thu hồi nợ KHDN và XLN pháp lý (Theo văn bản ủy quyền số 38a/2024/UQN-QH.UQ.N/A/236 ngày 01/6/2024 của Chủ tịch Hội đồng quản trị)

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Ngọc H chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà VPBank, số 28-30 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang (nay là tầng 4, Tòa nhà

VPBank, số 28-30 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh). (*Theo văn bản ủy quyền số 239/2024/UQN-KHCMNB02 ngày 24/10/2024 của giám đốc trung tâm thu hồi nợ KHDN và xử lý nợ pháp lý*)

+ Công ty cổ phần M; địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Việt Á, số 9 D, Dịch Vọng H, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội (nay là Tầng 12, Tòa nhà Việt Á, số 9 Duy Tân, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) .

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T, chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Duy T, chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ miền Bắc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền số 1930/2024/UQN-MARS.VPB ngày 24/10/2024 của Trưởng phòng xử lý nợ miền Bắc: Bà Nguyễn Thị T, chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà VPBank, số 28-30 Nguyễn Thị Minh K, phường N, thành phố Bắc Giang (nay là tầng 4, Tòa nhà VPBank, số 28-30 Nguyễn Thị Minh K, phường B, tỉnh Bắc Ninh).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Ngọc S, sinh năm 1987 và chị Phan Thị A, sinh năm 1984; cùng địa chỉ: thôn N, xã Q, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố N, phường T, tỉnh Bắc Ninh).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1958

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984

+ Chị Lê Thị H, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã X huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố N, phường T, tỉnh Bắc Ninh).

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị L, chị Lê Thị H: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố Nam Phú, phường Tân Tiến, tỉnh Bắc Ninh) (*Theo giấy uỷ quyền ngày 19/5/2025 tại UBND xã Xuân Phú, số chứng thực 106, quyển số 01/2022-SCT,ĐC)*

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ:

2.1.1. Anh Phạm Ngọc S và chị Phan Thị A còn nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 29/7/2025 là 24.374.229 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi bốn triệu ba trăm bẩy mươi bốn nghìn hai trăm hai mươi chín đồng),* trong đó: Nợ gốc là 16.337.615 đồng *(Mười sáu triệu ba trăm ba mươi bẩy nghìn sáu trăm mười lăm đồng);* nợ lãi là 8.036.614 đồng

(Tám triệu không trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm mười bốn đồng) theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2206206026979 ngày 22/6/2022 và Khế ước nhận nợ ngày 01/7/2022.

2.1.2. Anh Phạm Ngọc S và chị Phan Thị A còn nợ Công ty cổ phần M tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 29/7/2025 là 2.677.162.993đồng *(Bằng chữ: Hai tỷ sáu trăm bẩy mươi bẩy triệu một trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm chín mươi ba đồng)*, trong đó: Nợ gốc: 1.700.312.800đồng *(Một tỷ bẩy trăm triệu ba trăm mười hai nghìn tám trăm đồng);* nợ lãi và lãi chậm trả: 976.850.193 đồng *(Chín trăm bẩy mươi sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn một trăm chín mươi ba đồng)* theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2206206026979 ngày 22/6/2022, Khế ước nhận nợ ngày 01/7/2022 và giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 14/6/2022.

2.2. Thời gian trả nợ như sau:

2.2.1. Anh Phạm Ngọc S và chị Phan Thị A có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V tổng số tiền 24.374.229đồng *(Bằng chữ: Hai mươi bốn triệu ba trăm bẩy mươi tư nghìn hai trăm hai mươi chín đồng)* vào ngày 29/8/2025 (dương lịch).

2.2.2. Anh Phạm Ngọc S và chị Phan Thị A có nghĩa vụ thanh toán trả Công ty cổ phần M tổng số tiền 2.677.162.993 đồng *(Bằng chữ: Hai tỷ sáu trăm bẩy mươi bẩy triệu một trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm chín mươi ba đồng)* vào ngày 29/8/2025 (dương lịch).

Kể từ 30/7/2025 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ, anh Phạm Ngọc S và chị Phan Thị A phải tiếp tục thanh toán các khoản lãi, phí phát sinh cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V và Công ty cổ phần M theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2206206026979 ngày 22/6/2022, Khế ước nhận nợ ngày 01/7/2022 và giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 14/6/2022 cho đến khi anh Sáng và chị Anh tất toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng cho vay các bên thoả thuận về điều chỉnh lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của ngân hàng cho vay.

2.3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp anh Phạm Ngọc S và chị Phan Thị A không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V và Công ty cổ phần M được quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 252/HĐTC-2022, Số Công chứng 993 Quyển số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐTC ký ngày 22/06/2022 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn Tự giữa anh Phạm Ngọc S, chị Phan Thị A và Ngân hàng V để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất 174, tờ bản đồ 7, diện tích 855,5m²; địa chỉ thôn N, xã X, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố Nam Phú, phường Tân Tiến, tỉnh Bắc Ninh) được UBND huyện Yên Dũng cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số MB 868104, số vào sổ cấp GCN: CH00830/288/QĐ-UBND T104/Q5/2013 ngày 13/3/2013, cấp cho người sử dụng đất là ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L. Ngày 06/6/2022, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Yên Dũng đăng ký biến động tại trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất là anh Phạm Ngọc S, theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 3556, quyển số 03/2022/TP/CC, do văn phòng công chứng Xương Giang công chứng ngày 02/6/2022.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng V và Công ty cổ phần M thì anh S và chị A phải tiếp tục trả số nợ còn thiếu. Số tiền phát mại tài sản bảo đảm sẽ được Ngân hàng VPPank và Công ty cổ phần M tự phân chia theo Tỷ lệ dư nợ đã thỏa thuận trong các Hợp đồng mua bán nợ số 04/2024/VPB-MARS và số 14/2024/VPB-MARS; Hợp đồng chuyển nhượng số 05/2024/VPB-MARS và Phụ lục đính kèm ký giữa VPBank với Công ty Cổ phần M.

2.4. Về chi phí tố tụng: Anh Phạm Ngọc S và chị Phan Thị A phải chịu 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)* chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Công ty cổ phần M được nhận lại số tiền 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)* do anh Phạm Ngọc S và chị Phan Thị A nộp lại.

2.5. Về án phí:

2.5.1. Anh Phạm Ngọc S và chị Phan Thị A phải chịu cả 86.030.744đồng *(Tám mươi sáu triệu không trăm ba mươi nghìn bẩy trăm bốn mươi bốn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

2.5.2. Trả lại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V số tiền 6.972.642đồng (*Sáu triệu chín trăm bẩy mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi hai đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005475 ngày 16/12/2024 tại Chi cục thi hành

án dân sự huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Bắc Ninh).

Trả lại công ty cổ phần M số tiền 39.486.321 đồng (*Ba mươi chín triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi mốt đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005476 ngày 16/12/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Bắc Ninh).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 1, tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 1 – Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Phạm Thị Thuỷ